

# Xy lanh tròn CRHD-80- -PPV-A-MQ

Số bộ phận: 195511

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                               | Giá trị                                                       |
|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                             | 10 mm...500 mm                                                |
| Ø pít tông                                             | 80 mm                                                         |
| Đệm                                                    | Đệm khí nén ở cả hai bên điều chỉnh được                      |
| Vị trí lắp đặt                                         | bất kì                                                        |
| Cấu trúc xây dựng                                      | Pít tông<br>Cần piston                                        |
| Phát hiện vị trí                                       | cho các công tắc gần                                          |
| Áp suất vận hành                                       | 1 bar...10 bar                                                |
| Nguyên tắc vận hành                                    | tác động kép                                                  |
| Môi chất vận hành                                      | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                  | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                   | 3 - ứng suất ăn mòn mạnh                                      |
| Tuân thủ LABS                                          | VDMA24364-B2-L                                                |
| Phù hợp với thực phẩm                                  | xem thông tin tài liệu bổ sung                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                         | -20 °C...80 °C                                                |
| Chiều dài đệm                                          | 31 mm                                                         |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi  | 2721 N                                                        |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống  | 3016 N                                                        |
| Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm                 | 717 g                                                         |
| Khối lượng di chuyển bổ sung trên mỗi hành trình 10 mm | 38 g                                                          |
| Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm                   | 5072 g                                                        |
| Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm           | 100 g                                                         |
| Cổng nối khí nén                                       | G3/8                                                          |
| Vật liệu phủ                                           | thép không gỉ hợp kim cao                                     |
| Vật liệu của phốt                                      | NBR<br>TPE-U (PU)                                             |
| Vật liệu vỏ                                            | thép hợp kim cao không gỉ                                     |
| Vật liệu thanh piston                                  | thép không gỉ hợp kim cao                                     |